

**TÒA ÁN N DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 305/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/12/2021.
V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN TP B-TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm N dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Ông Trần Văn Chánh

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh -Cán bộ Tòa án N dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát N dân TP. B: ông Mai Văn Thông-Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án N dân TP B có mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn N và gia đình thụ lý số: 595/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2021/QĐST-HNGĐ ngày 6 tháng 7 năm 2021; Thông báo dời lịch ngày 22/7/2021; Thông báo dời lịch ngày 13/8/2021; Thông báo dời lịch ngày 16/9/2021; Thông báo dời lịch ngày 14/10/2021; Quyết định hoãn hoãn phiên tòa số 518/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021.

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1984.**

Bị đơn: **Bà Phạm Thùy T, sinh năm 1990.**

Địa chỉ: 129/3, KP.2, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông N, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2021, các lời khai tại hồ sơ ông Nguyễn Đức N trình bày:**

Về quan hệ hôn N: Tôi và chị Phạm Thùy T kết hôn với nhau năm 2016, hôn N tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên N chủ yếu là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xung

đột do vậy vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa. Vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ, nên chúng tôi đã nhiều lần tạo điều kiện để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng kết quả không thành.

Nay nhận thấy mục đích hôn N không đạt được, hai vợ chồng đã sống ly thân, bỏ mặc nhau không ai quan tâm đến ai. Vì vậy tôi làm đơn ly hôn đề nghị Tòa án N dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với vợ là chị Phạm Thùy T để chấm dứt tình trạng hôn N hiện nay.

* **Về con chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Phạm Thùy T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức N

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Đức N và bà Phạm Thùy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn N hợp pháp. Nay có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân thành phố B, Tòa án N dân thành phố B đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét **bà Phạm Thùy T** là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án N dân TP. B tỉnh Đồng Nai tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, do đó Tòa án không thu thập được lời khai của **bà Phạm Thùy T** và không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét ông Nguyễn Đức N là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về Nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về quan hệ hôn N: **Ông Nguyễn Đức N và bà Phạm Thùy T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn N hợp pháp. Theo ông N sau

khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên N là do bất đồng quan điểm sống. Ông đã cố gắng nhưng không thể cải thiện được. Vì vậy nay ông làm đơn xin ly hôn với bà T để trả tự do cho nhau.

Tòa án đã xác minh ngày 09/6/2021 (biên bản xác minh bút lục số 26), địa phương cung cấp Ông Nguyễn Đức N và bà Phạm Thùy T đăng ký N khẩu thường trú tại địa chỉ: 129/3, KP.2, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai nhưng hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, ông N đang sống tại 129/3, KP.2, phường Tân Phong, TP. B, còn bà Phạm Thùy T không sống tại địa chỉ trên nhưng thỉnh thoảng vẫn đi về.

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ theo quy định các giấy triệu tập làm việc, thông báo hòa giải để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà T vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của ông N. Điều đó thể hiện bà đã bỏ mặc và không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Đức N.

[2]Về con chung: không có nên không đặt ra xem xét.

[3]Về tài sản chung, nợ chung: do không thu thập được lời khai của bà Phạm Thùy T nên không có cơ sở để xác định tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, và vì ông N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét tại phiên tòa hôm nay. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện dân sự khác.

[4]Về án phí HNGĐ-ST: Ông Nguyễn Đức N phải chịu tiền án phí xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức N.

[1]Về quan hệ hôn N: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Đức N và bà Phạm Thùy T.

[2]Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét

[3]Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét.

[4]Về án phí Hôn N và gia đình sơ thẩm: ông Nguyễn Đức N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Đức N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000501 ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND Tp B;
- Các đương sự;
- Thị hành án;
- Lưu hồ sơ, Vp.
- Cơ quan đã thực hiện
việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm N dân

Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa

Nơi nhận:

-Tòa án tỉnh;

-VKSND Tp B;

-Các đương sự;

-Thi hành án;

-Lưu hồ sơ, Vp.

-Cơ quan đã thực hiện
việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

